

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LONG THÀNH
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2023/HNGĐ-ST.

Ngày: 31-3-2023.

V/v: “*Tranh chấp ly hôn*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG THÀNH**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Nhật Lệ

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Thu Hà.

Ông Lưu Đức Chung.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Dung - Thư ký tòa án nhân dân huyện Long Thành.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành tham gia phiên tòa:
Bà Lê Thị Hồng Hà – Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 3 năm 2023, tại Tòa án nhân dân huyện Long Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 1019/2022/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 12 năm 2022 về việc “*Tranh chấp ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 24/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 14/3/2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Đỗ Thị N, sinh năm 1982.

Nơi đăng ký thường trú: Tổ 9, ấp XG-BK, xã LP, huyện LT, tỉnh ĐN

Bị đơn: Anh Đoàn Văn T, sinh năm 1975.

Địa chỉ: Tổ 9, ấp XG-BK, xã LP, huyện LT, tỉnh ĐN

(Chị N, anh T có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, các biên bản làm việc và tại phiên tòa nguyên đơn chị Đỗ Thị N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh T tự nguyện chung sống và đăng ký kết hôn vào năm 2005, tại UBND xã Long Phước, huyện Long Thành. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống cùng nhà với mẹ chồng tại Tổ 9, ấp XG-BK, xã LP, huyện LT, tỉnh ĐN Vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng từ khoảng tháng 10/2020 thì thường xuyên mâu thuẫn, anh T thường xuyên vô cớ chửi bới chị, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, không quan tâm chia sẻ lẫn nhau, mẹ chồng thì coi thường chị và gia đình bên ngoại. Quá bức xúc do bị dồn nén lâu

ngày nên tháng 10/2022 chị về Tiền Giang sinh sống và vợ chồng ly thân từ đó đến nay. Nay nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, tình cảm đã hết nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T.

Về con chung: Có 02 con chung tên là Đoàn Thanh Trí H, sinh năm 2006 và Đoàn Thị Ngọc Y, sinh năm 2012. Hiện cháu Y đang do chị N nuôi dưỡng, cháu H do anh T nuôi dưỡng. Sau ly hôn chị đề nghị giao cháu Y cho chị tiếp tục nuôi dưỡng, giao cháu H cho anh T nuôi dưỡng, không ai phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận.

Nợ chung : Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

** Tại biên bản lấy lời khai, các biên bản làm việc và tại phiên tòa bị đơn anh Đoàn Văn T trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị N chung sống tự nguyện và có đăng ký kết hôn vào năm 2005 như chị N trình bày là đúng. Vợ chồng chung sống hạnh phúc thời gian đầu, đến tháng 10/2020 thì thường xuyên mâu thuẫn, anh thừa nhận có nóng tính và nhiều lần chửi bới vợ con nên cuộc sống chung không được hạnh phúc như trước và sống ly thân từ tháng 10/2022 đến nay. Khi sống ly thân thì anh có về quê vợ bàn bạc với chị N để vợ chồng hàn gắn đoàn tụ nhưng không thành. Nay chị N đề nghị giải quyết ly hôn anh không đồng ý do anh không muốn 02 con phải chia cắt, sống trong cảnh thiếu thốn tình cảm cha mẹ.

Về con chung: Có 02 con chung tên là Đoàn Thanh Trí H, sinh năm 2006 và Đoàn Thị Ngọc Y, sinh năm 2012. Hiện cháu Y đang do chị N nuôi dưỡng, cháu H do anh nuôi dưỡng. Nếu Tòa giải quyết ly hôn thì theo nguyện vọng các con muốn ở với ai tùy các con chọn, anh tôn trọng ý nguyện của các con, anh không tranh chấp, không yêu cầu vợ chồng cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận.

Nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa theo đúng quy định của pháp luật Tổ tụng dân sự. Việc thu thập chứng cứ được thực hiện đầy đủ, khách quan, thời hạn tố tụng được bảo đảm, các quyết định được tổng đạt hợp lệ, phiên tòa được thực hiện dân chủ, bình đẳng.

Về nội dung vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu tranh chấp ly hôn của chị N. Xử cho chị Đỗ Thị N được ly hôn với anh Đoàn Văn T.

Về con chung: Đề nghị giao cháu Đoàn Thanh Trí H, sinh năm 2006 cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng; giao cháu Đoàn Thị Ngọc Y, sinh năm 2012 cho chị

N trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm thời không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung cho ai.

Tài sản chung, nợ chung: Không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Tranh chấp phát sinh giữa chị Đỗ Thị N và anh Đoàn Văn T là tranh chấp ly hôn, đây là tranh chấp về hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự; Bị đơn anh Đoàn Văn T cư trú tại xã Long Phước, huyện Long Thành nên tranh chấp trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Long Thành theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về quan hệ hôn nhân:

Chị N và anh T chung sống tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Long Phước, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn số 02/2005, quyền số 01 ngày 31/01/2005 nên là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 11 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000.

Chị N trình bày từ tháng 10/2022 vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn, không có tiếng nói chung, không quan tâm chia sẻ lẫn nhau, vợ chồng không còn chung sống và đã ly thân, không có biện pháp hòa giải đoàn tụ. Anh T cũng thừa nhận vợ chồng mâu thuẫn nên hôn nhân không hạnh phúc, vợ chồng anh chị đã ly thân từ tháng 10/2022. Quá trình tòa án giải quyết vụ án đã hòa giải đoàn tụ cho anh chị nhưng không thành. Từ đó nhận thấy, hôn nhân giữa chị N và anh T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên giải quyết cho chị N được ly hôn với anh T là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3]. Về con chung: Chị N và anh T có hai con chung tên Đoàn Thanh Trí H, sinh năm 2006 và Đoàn Thị Ngọc Y, sinh năm 2012.

Qua tham khảo nguyện vọng của các con, ý kiến cháu Y muốn sống với chị N và cháu H muốn sống với anh T. Đồng thời chị N cũng có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Y và giao cháu H cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung cho ai; Anh T không tranh chấp nuôi con mà tôn trọng nguyện vọng của các cháu. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu về việc nuôi con chung của chị N, giao cháu Y cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng; giao cháu H cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Tạm thời không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung cho ai.

[4]. Về tài sản chung: Các đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[5]. Về nợ chung: Các đương sự trình bày không có nên không xem xét.

[6]. Về án phí: Chị N phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

[7]. Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành là hoàn toàn phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 266; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 56, 81, 82, 83, 84, 131 Luật hôn nhân gia đình Việt Nam năm 2014.

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Đỗ Thị N. Xử cho chị Đỗ Thị N được ly hôn với anh Đoàn Văn T.

Về con chung:

- Giao cháu Đoàn Thanh Trí H, sinh năm 2006 cho anh Đoàn Văn T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

- Giao cháu Đoàn Thị Ngọc Y, sinh năm 2012 cho chị Đỗ Thị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Tạm thời không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung cho ai.

Sau khi ly hôn chị N, anh T vẫn phải có nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung. Chị N, anh T có quyền thăm nom con, không ai được cản trở thực hiện quyền này. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, hạn chế quyền của cha, mẹ đối với con chưa thành niên cũng như mức cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị Đỗ Thị N phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Khấu trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị Nhuộm đã nộp theo

biên lai thu số 0006633 ngày 06/12/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Thành, chị N đã nộp xong.

Chị Đỗ Thị N và anh Đoàn Văn T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND H. Long Thành;
- Chi cục THADS H. Long Thành;
- UBND xã Long Phước;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Nhật Lệ

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN
THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA